

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 3 - 2024

V/ v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Kim Oanh

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị D**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: **Tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.**

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Huang C - T**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: **Số C, đường Đ, xóm G, phường Đ, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan.**

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Phan Thị D** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Huang C** - T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 29 tháng 05 năm 2023.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với nhau tại Thái Nguyên, Việt Nam. Sau đó anh **Huang C** - T quay trở lại Đài Loan để sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc, đến tháng 9 năm 2023 anh **Huang C** - T không trở về Việt Nam để cùng chị **D** tham gia phỏng vấn kết hôn, do đó chị **D** không thể sang Đài Loan đoàn tụ với anh **H** được. Do khoảng cách địa lý và phong tục tập quán khác nhau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy hôn nhân đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên chị có nguyện vọng được ly hôn với anh **Huang C** - T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng xác định không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn anh **Huang C** - T gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của chị **Phan Thị D**. Về quan hệ hôn nhân anh xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục, tập quán. Vợ chồng quyết định ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị **D**. Về con chung, anh xác định không có. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định không có. Do hiện nay anh đang sống Đài Loan, không thể về Việt Nam nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, và anh có ủy quyền cho chị **Phan Thị D** thay anh nhận văn bản, bản án và quyết định của Tòa án. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên những nội dung mà anh đã trình bày ở trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị D**, cho chị **D** được ly hôn anh **Huang C** - T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không giải quyết. Chị **Phan Thị D** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về chấp hành pháp luật tổ tụng dân sự: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn là anh **Huang C – T** là người có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hiện đang sinh sống tại Đài Loan, có địa chỉ cụ thể. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Huang C – T** có gửi văn bản thể hiện quan điểm cá nhân về cho Tòa án và có xác nhận của Văn phòng công chứng của Tòa án địa phương **D, Đài Loan** là hợp pháp.

Nguyên đơn chị **Phan Thị D** đang cư trú tại **Tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**. Bị đơn trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết hiện đang ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn cũng đã gửi văn bản thể hiện quan điểm cá nhân về cho Tòa án và có xác nhận của Văn phòng công chứng của Tòa án địa phương **D, Đài Loan** và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên những ý kiến đã trình bày, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về giải quyết nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **Phan Thị D** và anh **Huang C – T** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam** là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với nhau tại Thái Nguyên, Việt Nam. Sau đó anh **Huang C – T** quay trở lại Đài Loan để sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc, đến tháng 9 năm 2023 anh **Huang C – T** không trở về Việt Nam để cùng chị **D** tham gia phỏng vấn kết hôn, do đó chị **D** không thể sang Đài Loan đoàn tụ với anh **H** được. Do khoảng cách địa lý và phong tục tập quán khác nhau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy hôn nhân đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên chị có nguyện vọng được ly hôn với anh **Huang C – T** để ổn định cuộc sống. Tại văn bản thể hiện ý kiến của anh **Huang C – T** gửi về Tòa án, anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh đồng ý ly hôn với chị **D**.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **D** và anh **Huang C – T** đã trầm trọng, hiện không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị **D** và anh **Huang C – T** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Phan Thị D** đối với **Huang C – T** là phù hợp với sự thỏa thuận của đương sự, phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.2]. Về con chung: Chị **D** và anh **Huang C** – T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **D** và anh **Huang C** – T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3]. Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị **Phan Thị D** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nộp sung quỹ nhà nước.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 28; Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 51; 56; Điều 127 của Luật hôn nhân và Gia đình;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Phan Thị D** đối với anh **Huang C** – T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thị D** được ly hôn anh **Huang C** – T.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị **Phan Thị D** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000055 ngày 11/12/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Chị **Phan Thị D** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **Huang C** – T được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- UBND thành phố T;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)
Nguyễn Ích Yên